

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/KDTM-PT
Ngày 12 - 3 - 2018
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trung.

Bà Nguyễn Thị Kim Trọng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2017/TLPT/KDTM ngày 13/12/2017 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017 ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐ-PT ngày 26/02/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N.** Địa chỉ: Đường T, phường M, Quận T, Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trương Văn Đ, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch A, chi nhánh Thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn B, chức vụ: Cán bộ tín dụng phòng giao dịch A, chi nhánh thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Đường N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Địa chỉ: Đường C, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 do ông Trịnh Ngọc K, Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng N, người đại diện theo

pháp luật của nguyên đơn ký và giấy ủy quyền lại của Giám đốc chi nhánh thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T.*

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình N, Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Đường V, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Minh N, sinh năm 1982. Có mặt.

2. Bà Hồ Thị Y, sinh năm 1946. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Đường V, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Y, bà Trần Thị Minh N:

Ông Lê Bá Nhật B. Địa chỉ: Đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người kháng cáo:*

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TVT.

2. Bà Trần Thị Minh N và bà Hồ Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2014 và đơn đề ngày 13/10/2014. Nguyên đơn là Ngân hàng N (viết tắt là Ngân hàng) trình bày: Ngày 30/01/2013, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TVT (viết tắt là Công ty TVT) vay của Ngân hàng N – Phòng giao dịch A thuộc Chi nhánh thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền: 1.800.000.000đồng. Thời hạn vay là 12 tháng theo hợp đồng tín dụng số 4002LAV 201300399.

Ngày 30/01/2013, ông Nguyễn Đình N ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 808297/2013, ông Nguyễn Đình N dùng tài sản là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại đường V, thành phố H, thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Công ty TVT nêu trên. Hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TVT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TVT trả số tiền còn nợ là: 2.013.950.000 đồng. (Trong đó nợ gốc: 1.800.000.000 đồng, Lãi tính đến ngày 30/9/2014: 213.950.000đồng) và yêu cầu trả lãi cho đến khi thanh toán hết nợ. Nếu Công ty TVT không trả được nợ thì đề nghị Tòa án phát mãi tài sản mà ông Nguyễn Đình N đã thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

- *Bị đơn trình bày:* Công ty TVT thống nhất có vay của Ngân hàng số tiền là 1.800.000.000 đồng, với mục đích là để đầu tư kinh doanh. Quá trình kinh doanh do nhiều đơn vị chậm thanh toán tiền nên Công ty đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Công ty đang nỗ lực cố gắng thu hồi nợ của các đơn vị

đối tác và tìm kiếm các nguồn tài chính khác nhằm trả nợ cho Ngân hàng trong thời gian sớm nhất.

Về khoản tiền lãi Công ty TVT đề nghị Tòa xem xét lại những quy định của pháp luật có liên quan đến việc tính hạn mức thu lãi, thời gian tính lãi suất, cách tính lãi suất theo quy định về các khoản nợ đã đưa ra diện nợ xấu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Trần Thị Minh N (vợ ông Nguyễn Đình N) cho rằng bà không biết ông Nguyễn Đình N vay tiền tại Ngân hàng để làm ăn kinh doanh. Nay Ngân hàng khởi kiện thì bà không có nghĩa vụ trả số tiền trên. Về tài sản nhà và đất tọa lạc tại đường V, thành phố H, là tài sản chung do vợ chồng bà bỏ tiền ra mua đất và xây dựng nhà ở, nay bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho bà.

Bà Hồ Thị Y (mẹ ruột, sống cùng địa chỉ với ông Nguyễn Đình N) trình bày: Về tài sản là nhà đất tọa lạc tại đường V, thành phố H, là tài sản chung của bà với vợ chồng ông Nguyễn Đình N, bà bỏ tiền ra để mua đất từ năm 2008 và xây dựng nhà ở. Do đó quyền sở hữu căn nhà này là của bà và vợ chồng ông Nguyễn Đình N, bà Trần Thị Minh N. Nhưng ngày 30/01/2013 UBND nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lại đứng tên một mình ông Nguyễn Đình N là có sự không rõ ràng, minh bạch, tạo điều kiện cho ông Nguyễn Đình N tự ý đem thế chấp nhà đất này mà không có ý kiến của bà và bà Trần Thị Minh N. Nay bà đề nghị Tòa xem xét việc ông Nguyễn Đình N đem tài sản chung đi thế chấp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Ngày 23/11/2017 Tòa án nhân dân thành phố H đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định như sau:

Căn cứ vào điều 30, điều 147, điều 210, điều 220, khoản 2 điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 và Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

Áp dụng Điều 351, Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; khoản 7 Điều 323; điểm b khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2/ Buộc bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên TVT phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền là 2.962.150.000đồng; trong đó: Nợ gốc 1.800.000.000đồng. Nợ lãi tính đến ngày 23/11/2017, Lãi trong hạn là 781.000.000đồng, lãi quá hạn là 381.150.000đồng.

3/ Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TVT không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ nói trên và khoản lãi phát sinh, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo của ông Nguyễn Đình N nói trên.

4/ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TVT còn phải thanh toán cho Ngân hàng N một khoản lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo sau ngày xét xử cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quy định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/12/2017 Công ty TVT ông Nguyễn Đình N, bà Trần Thị Minh N và bà Hồ Thị Y có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Công ty TVT kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần lãi, áp dụng lại cách tính lãi suất và tuyên hợp đồng thế chấp tài sản số 808297/2013 ngày 30/01/2013 giữa Phòng giao dịch A – Ngân hàng N với Công ty TVT vô hiệu.

Bà Trần Thị Minh N và bà Hồ Thị Y kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại hợp đồng thế chấp tài sản số 808297/2013 ngày 30/01/2013 giữa Phòng giao dịch A – Ngân hàng N với Công ty TVT.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh cho rằng; Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các bên đương sự đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục

Về nội dung đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có vi phạm về nội dung và thủ tục tố tụng nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân thành phố H nhận đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2014 và đơn đề ngày 13/10/2014 của Ngân hàng. Sau khi nhận đơn khởi kiện nói trên, ngày 27/10/2014 Tòa án nhân dân thành phố H đã có công văn yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện với lý do ở phần yêu cầu Tòa án giải quyết ghi chưa rõ nội dung khởi kiện và tại mục Người khởi kiện ở cuối đơn khởi kiện cần phải ghi tên của pháp nhân; ghi chức vụ của người đứng đầu văn phòng đại diện đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời cũng yêu cầu ngân hàng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tòa án phải sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Nếu không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án, thì căn cứ vào khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Tố tụng Dân sự trả lại đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo. Công văn này ông Nguyễn Văn B đại diện cho Ngân hàng nhận ngày 04/11/2014, nhưng phía Ngân hàng không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần phải trả lại Đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại thụ lý giải quyết

là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 3 điều 189, điểm e khoản 1 điều 192, điều 193 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Trong hồ sơ vụ án không rõ bút lục số 54 là tài liệu gì, hiện nay được thay vào bút lục 54 là thông báo thụ lý vụ án số 02/2017/TB-TLVAKDTM ngày 06/01/2017 của Thẩm phán Trần Thị H là không đúng thực tế với hồ sơ vụ án. Như vậy là đã làm sai lệch hồ sơ tài liệu có trong vụ án. Cần phải xác định lại bút lục số 54 là tài liệu gì.

[1.3] Sau khi thụ lý giải quyết lại vụ án ở cấp sơ thẩm, trong hồ sơ Tòa án nhân dân thành phố H không có Quyết định phân công thẩm phán giải quyết vụ án là vi phạm điều 197 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 6/6/2017 (BL 189) bà Hồ Thị Y có yêu cầu Tòa án xác minh lại việc cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Đình N là có sự không rõ ràng, minh bạch. Vì sau khi bà chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Bùi Nam T bà Trần thị Diễm X ngày 01/3/2008, đến ngày 21/5/2008 bà hợp đồng mua đất tại đường V, thành phố H và cho con trai là Nguyễn Đình N đứng tên trong Giấy chứng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên việc xây dựng nhà ở, đến 2012 mới hoàn tất. Tiền xây nhà là do bà và bà Trần Thị Minh N cùng đóng góp. Đồng thời bà yêu cầu chuyển đổi lại Giấy chứng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên cả vợ chồng ông Nguyễn Đình N bà Trần Thị Minh N. Nhưng ngày 30/01/2013 UBND thành phố H lại chuyển đổi tên cho một mình ông Nguyễn Đình N. Vì vậy ngày 01/8/2017 bà Hồ Thị Y, bà Trần Thị Minh N có đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà nói trên, nhưng Tòa án chưa xác minh làm rõ việc UBND thành phố H xử lý như thế nào về yêu cầu của bà Hồ Thị Y, bà Trần Thị Minh N mà đưa ra xét xử là làm ảnh hưởng quyền lợi của hai bà.

[2.2] Trong quá trình thụ lý ở cấp phúc thẩm bà Hồ Thị Y và bà Trần Thị Minh N có cung cấp cho Tòa án công văn số 4625/UBND-ĐC ngày 12/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn của bà Hồ Thị Y và bà Trần Thị Minh N. Biên bản làm việc của phòng Tài nguyên và Môi trường ngày 04/01/2018 phản ánh việc bà Hồ Thị Y bà Trần Thị Minh N đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đã cấp cho ông Nguyễn Đình N ngày 30/01/2013 là không đúng pháp luật. Cho đến nay UBND thành phố H vẫn chưa có quyết định xử lý cụ thể yêu cầu của hai bà nói trên. Đây là những tài liệu mới bổ sung tại cấp phúc thẩm.

Từ những thiếu sót về nội dung và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án thành phố H giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm nhằm bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

Do phải hủy bản án sơ thẩm, nên Tòa án cấp phúc thẩm chưa giải quyết các nội dung kháng cáo khác của các bên đương sự.

[3] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/KDTM-ST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TVT.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Minh N, bà Hồ Thị Y.

2. Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết lại theo thủ tục chung.

3. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tòa án sẽ quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Các bên đương sự không phải chịu. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo cho: Công ty TNHH MTV TVT 300.000đồng theo biên lai số 003363 ngày 08/12/2017; Bà Trần Thị Minh N 300.000đồng theo biên lai số 003361 ngày 08/12/2017; Bà Hồ Thị Y 300.000đồng theo biên lai số 003362 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TTH;
- TAND Tp H;
- Chi cục THADS Tp H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP; Tòa Kinh tế.

(Đã ký)

LA MINH TƯỜNG